TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HC-PT
Ngày: 18 - 01 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Đoàn Văn Vâng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 748/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Phan Chánh T; sinh năm:1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: E đường C Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông T: Ông Lê Quốc S, sinh năm 1963 (có mặt) (văn bản uỷ quyền ngày 24-3-2022).

Địa chỉ 5 Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1/ Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Trung C, chức vụ - Chủ tịch (vắng mặt);

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lương Bá C1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T theo văn bản uỷ quyền số 746/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2022 (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Ngọc L, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 và quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ánh D, sinh năm: 1949 (vắng mặt);

Địa chỉ: E đường C Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Lê Quốc S, sinh năm 1963 (có mặt) (Văn bản uỷ quyền ngày 24-3-2022);

Địa chỉ 5 Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phan Chánh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện là ông T và vợ là bà Nguyễn Thị Ánh D có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị C2 lô đất có diện tích khoảng 3.000m^2, trên đất có 01 ngôi nhà. Việc chuyển nhượng có lập giấy tờ và được Ủy ban nhân dân Phường C3, thị xã T và chuyển lên phòng nhà đất thị xã giải quyết. Năm 2009 ông T, bà D được Uỷ ban nhân dân (UBND) thị xã T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H04617/P3 vào ngày 26-6-2009, với diện tích 615,3m^2. Ông T, bà D có khiếu nại phần diện tích không được cấp giấy. Tại Công văn số 627/UBND ngày 14/11/2011 của UBND thị xã T trả lời có nội dung *"...Công nhận cho vợ chồng ông T, bà D có sử dụng phần đất diện tích 2.000m^2 (ngang 50 mét, dài 40 mét) Phần đất ông Phan Chánh T và bà Nguyễn Thị Ánh D được cấp giấy diện tích 615,3m^2 là đúng quy định; phần còn lại nằm trong quy hoạch đường N theo quy định là không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào Nhà nước thu hồi để làm đường thì sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành..."*

Ngày 29/12/2017 UBND thành phố T ban hành quyết định số 179/QĐ-UBND có nội dung thu hồi 132m^2 đất trồng cây lâu năm chưa được cấp giấy của ông T, bà D mà không thực hiện đền bù theo quy định của pháp luật. Ông T, bà D khiếu nại đến ngày 05/11/2018 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1866/ QĐ-UBND không chấp nhận khiếu nại về việc bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 75/ QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND thành phố T.

Ông T, bà D tiếp tục khiếu nại lên cấp trên, sự việc không được giải quyết và kéo dài đến ngày 16/6/2021 thì nhận được thông báo số 17/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T có nội dung thu hồi 486,5m^2 của ông T, bà D không bồi thường với lý do là không đủ điều kiện. Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 1866/ QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T và Thông báo số 17/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T. Ngày 22 tháng 8 năm 2022 ông Phan Chánh T có đơn khiếu kiện bổ sung với yêu cầu huỷ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thành phố T có nội dung thu hồi diện tích đất 486,5m^2 mà không bồi thường và Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T có nội dung bồi thường vật kiến trúc và cây trái trên đất với số tiền 84.288.130 đồng mà không có bồi thường về đất.

Ngày 18-4-2023 người đại diện của ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 1866/ QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T và Thông báo số 17/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thành phố T và Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 21-12-2022 của UBND thành phố T là không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chánh T về việc huỷ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thành phố T và Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T. Đồng thời xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 08-12-2022 thể hiện tổng diện tích thu hồi của ông Phan Chánh T là 750m^2, cụ thể thu hồi thực hiện dự án mở rộng đường C diện tích 264m^2 và thu hồi thực hiện dự án đường N là 486,5m^2. Hiện nay dự án đường C đã thi công xong, người khởi kiện đã rút đơn khởi kiện. Về yêu cầu huỷ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 và Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T. Đây là dự án thực hiện đường N (đường K trước đây), đất có nguồn gốc của ông T1, bà C2 từ năm 1966. Tuy nhiên được UBND tỉnh T giao cho Sở Công an tỉnh T sử dụng theo Quyết định số 61-QĐ/UB ngày 17/12/1987, sau đó nằm trong quy hoạch

đường K (N) với diện tích 486,5m^2. Ông T, bà D nhận sang nhượng lại của ông T1 năm 1989, có sự xác nhận của C3. Thời điểm này phần đất đã được giao cho Sở Công an tỉnh T rồi, nên việc sang nhượng này là trái pháp luật, việc C3 xác nhận cũng không đúng.

Tại công văn số 1019/UBND ngày 03/7/2023 của UBND thành phố T đã nêu rõ việc trưng dụng đất để giao cho Công an T và có giải thích Công văn 627/UBND ngày 19/11/2021. Từ đó xác định việc thu hồi đất của UBND thành phố T tại Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 là đảm bảo theo quy định của pháp luật và Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 về bồi thường là đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công dân.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chánh T đối với Quyết định số 1866/ QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T và Thông báo số 17/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chánh T về việc yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 và Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Chánh T là ông Lê Quốc S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thành phố T và Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T, vì:

- Quyết định số 61/QĐ-UB ngày 17/12/1987 của UBND tỉnh T là quyết định giao đất, không phải quyết định trưng dụng đất. Trước khi giao đất cho Sở Công an T thì không có quyết định nào thể hiện việc trưng dụng đất của dân và tại Quyết định số 61-QĐ/UB cũng không có nội dung trưng dụng đất của ai để giao cho Công an T.

- Nguồn gốc đất của ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị C2 mua lại của ông Nguyễn Văn S1 và bà Võ Thị D1 với bề dài 40m, bề ngang 50m, được Ủy ban hành chánh xã N xác nhận ngày 18/10/1966. Việc ông T mua cũng được Uỷ

ban nhân dân xác nhận. Năm 2011, UBND thị xã T xác nhận phần đất ông T và bà D sử dụng ổn định lâu dài từ trước đến giờ. Tại bản án sơ thẩm, việc UBND thị xã T cho rằng phần đất này của Công an hay ông T mua bán đất không hợp pháp. Tuy nhiên từ đó đến nay từ khi được UBND dân công nhận thì không hề có văn bản nào xử phạt vi phạm hành chính hay cảnh cáo về việc sử dụng phần đất trên. Việc UBND thành phố T áp dụng văn bản cưỡng chế là trái quy định của pháp luật. Các quyết định, văn bản hành chính nêu trên của UBND thành phố T về việc thu hồi đất, không đền bù cho người sử dụng đất ổn định lâu dài từ năm 1989 cho đến nay là vi phạm nghiêm trọng đến các quy định tại điều 75, 100 và điều 166 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố T trình bày: Việc UBND thành phố T ban hành Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 để thu hồi diện tích 486,5m^2 của ông Phan Chánh T và bà Nguyễn Thị Ánh D là đúng với quy định tại Điều 74, 75 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung: Việc UBND thành phố T ban hành Quyết định số số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 thu hồi của ông T, bà D diện tích 486,5m^2 để thực hiện dự án đường N là nằm ngoài diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà D và không đền bù là đúng quy định tại Điều 75 và khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai. Bởi các lẽ nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến tranh luận của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Quốc S, người đại diện ủy quyền của người khởi kiện là ông Phan Chánh T trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 có nội dung thu hồi diện tích đất 486,5m^2 thực hiện dự án đường N mà không bồi thường và Chủ tịch UBND thành phố T Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 có nội dung bồi thường vật kiến trúc và cây trái trên đất, không có bồi thường về đất là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 66, 67, 68 và 69 Luật Đất đai năm 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Sau khi ban hành các quyết định, người bị kiện đã tiến hành đúng các trình tự, thủ tục quy định tại Điều 68, 69 của Luật Đất đai; đã thực hiện họp dân, tống đạt đầy đủ các quyết định bị kiện cho người khởi kiện phù hợp với các quy định tại Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.2] Về nội dung các quyết định bị kiện:

- Về nguồn gốc phần đất bị thu hồi: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, phần đất có diện tích 486,5m^2 của ông T, bà D bị thu hồi theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của UBND thành phố T, trước đây đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh thu hồi theo Quyết định số 1386/QĐ-UBND ngày 14/10/2005 (BL 83) với diện tích 483,2m^2 để thực hiện dự án đường K (nay là đường N) không có đền bù với lý do phần đất này vào năm 1987 được UBND tỉnh T giao cho Công an tỉnh T theo Quyết định số 61-QĐ/UB ngày 17/12/1987 với diện tích 5.100m^2 (BL62). Tại thời điểm trưng dụng đất để giao cho Công an tỉnh T theo quy định của Luật Đất đai năm 1987 là không có quy định đền bù khi thu hồi đất.

- Về quá trình sử dụng đất: phần đất ông T, bà D sử dụng là nhận sang nhượng từ ông Trần Văn T1 bằng giấy tay vào ngày 10/9/1989 (BL 77) với diện tích khoảng 03 công (tương ứng 3.000m^2), không thể hiện tứ cận. Phần đất này ông T1 chưa được Nhà nước công nhận, trong khi vào ngày 17/12/1987 UBND tỉnh T đã giao cho Công an tỉnh T theo Quyết định số 61-QĐ/UB, với diện tích 5.100m^2. Nên việc sang nhượng đất giữa ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị Ánh D là trái pháp luật, mặt khác tại Điều 5 Luật Đất đai năm 1987 quy định nghiêm cấm việc mua, bán, chuyển nhượng đất.

Từ cơ sở trên, năm 2009 khi ông Phan Chánh T và bà Nguyễn Thị Ánh D kê khai đăng ký đất thì được UBND thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh chỉ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 615,3m^2. Phần diện tích còn lại nằm trong quy hoạch đường N (đường K) lộ giới 19,0m theo Quyết định số 278/2001/QĐ-UB ngày 21/5/2001 của UBND tỉnh T về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết chia lô tỷ lệ 1/500 nên không được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất. Việc sử dụng đất của ông T, bà D ngoài phần được cấp giấy là sử dụng tạm thời trên phần đất quy hoạch làm đường công cộng.

Người khởi kiện và người đại diện của ông T và bà D cho rằng phần đất mà UBND thành phố T thu hồi có đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo điểm d, khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013, nên khi Nhà nước thu hồi thì phải đền bù, nhưng UBND thành phố T không đền bù cho người sử dụng đất là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 75, 77 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Bởi vì việc sử dụng đất của ông Phan Chánh T và bà Nguyễn Thị Ánh D được xác lập từ năm 1989, là sử dụng ổn định lâu dài. Tại văn bản số 627/UBND ngày 14/11/2011 của UBND thị xã (nay là thành phố) Tây Ninh công nhận ông T, bà D có sử dụng phần đất diện tích 2.000m^2 (ngang 50 mét, dài 40 mét). *Ông Phan Chánh T và bà Nguyễn Thị Ánh D được cấp giấy diện tích 615,3m^2 là đúng quy định; phần còn lại nằm trong quy hoạch đường N theo quy định là không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào Nhà nước thu hồi để làm đường thì sẽ được giải quyết theo quy định hiện hành…".* Nhưng khi thu hồi đất, UBND thành phố T lại không tiến hành đền bù theo quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Chánh T và bà Nguyễn Thị Ánh D.

Đối với lời trình bày trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguồn gốc đất của ông T, bà D có được là do nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn T1 bằng giấy tay năm 1989, trong khi trước đó phần đất này đã bị Nhà nước thu hồi, cấp cho Sở công an tỉnh T theo Quyết định số 61-QĐ/UB ngày 17/12/1987. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định việc chuyển nhượng đất là trái pháp luật, đất có nguồn gốc của Sở công an, không phải của ông T1 là có cơ sở, đúng pháp luật. Từ đó, nhận định việc UBND thành phố T căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 62; khoản 4 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thu hồi diện tích 486,5m^2 (ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T, bà D) để thực hiện dự án đường N mà không phải đền bù về đất, chỉ đền bù vật kiến trúc, cây trồng trên đất là có căn cứ, đúng pháp Luật Đất đai.

Việc ông S cho rằng trường hợp sử dụng đất của ông T là phù hợp điểm d Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013 là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Chánh T, có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Quốc S. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Ngày 19/9/2023 UBND thành phố T ban hành Quyết định số 1078/2023/QĐ-UB về việc cưỡng chế thu hồi 468,5m^2 đất, ngày 17/10/2023 tổ chức cưỡng chế buộc ông T, bà D thi hành quyết định nói trên, trong khi ông bà đang khởi kiện, bản án chưa có hiệu lực pháp luật vì ông bà đang kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm chưa xét xử, do vậy các Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 và Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T chưa có hiệu lực thi hành là vi phạm nghiêm trọng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, bà D. Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý theo quy định.

Xét thấy, đây không phải là quyết định bị kiện trong vụ án này và nằm ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm; trường hợp không đồng ý, ông T có quyền khởi kiện vụ án hành chính khác nếu thấy bị ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông Phan Chánh T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; điểm b khoản 3 Điều 62; khoản 4 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án và lệ phí Toà án.

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Phan Chánh T, có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Quốc S.

- Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chánh T đối với Quyết định số 1866/ QĐ-UBND ngày 05/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố T và Thông báo số 17/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Chánh T về việc yêu cầu huỷ bỏ Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 và Quyết định số

740/QĐ-UBND ngày 22/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phan Chánh T được miễn.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồ Tâm Tú **Nguyễn Thị Ngọc Hoa** **Nguyễn Đắc Minh**